

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 44/2021/DS-PT

Ngày 24/12/2021

*“V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất, chia  
di sản thừa kế”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa pH2 tòa:* Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh và bà Phạm Thị Đào.

**- Thư ký pH2 tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia pH2 tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2021/QĐPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021; quyết định hoãn pH2 tòa số 23/2021/QĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021; thông báo mở lại pH2 tòa số 150/TB-TA ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

- Ông Vũ Như P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Từ Phong, xã Cách Bi, H3ện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Vũ Văn P1 (*tên khác: Vũ Như P1*), sinh năm 1962; địa chỉ: Số 832 đường Hoàng Quốc Việt, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông P1:* Ông Vũ Như P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Từ Phong, xã Cách Bi, H3ện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông P:* Ông Đinh Ngọc Phán - Luật sư của văn phòng luật sư Tâm Đ Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương;

**2. Bị đơn:**

- Ông Vũ Như D (*tên khác: D Anh*), sinh năm 1944; địa chỉ: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ông Vũ Văn D1 (*tên khác: Vũ Như D1*), sinh năm 1956; địa chỉ: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**3. Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Vũ Tiến A (*tên khác: Khắc*), sinh năm 1946; Số nhà 8 tổ 14, khu 2, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông A:* Chị Vũ Thị TN, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 28 tổ 58, khu 6, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đinh Thị H2, sinh năm 1962.

- Ông Đinh Hữu H3, sinh năm 1973.

Đều có địa chỉ: Số 02/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 4/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đinh Hữu S, sinh năm 1949; địa chỉ: Phố Tự Do, khu 5, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đinh Hữu L, sinh năm 1956; địa chỉ: Ngõ 56 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đinh Hữu H4, sinh năm 1958; địa chỉ: Phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đinh Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 166 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đinh Hữu T, sinh năm 1965; ĐKKHTT: Phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1994; ĐKKHTT: Khu 7, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hồ Đăng- Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đăng:* Ông Vũ Kim Quang- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**4. Người kháng cáo, kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương và các đương sự: Ông Vũ Như P, ông Vũ Tiến A, ông Vũ Văn D1, bà Đinh Thị T

Tại PH2 tòa có mặt: nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, bà T, chị Ngọc; ngoài ra vắng mặt những người tham gia tố tụng khác.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn, bị đơn và chị Vũ Thị TN thống nhất trình bày: Cụ Vũ Như H3nh và cụ Đình Thị Quỳnh sinh được 05 người con chung gồm: Vũ Như D, Vũ Tiến A, Vũ Văn D1, Vũ Như P, Vũ Văn P1. Các cụ không có con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ đẻ của các cụ đều đã chết. Cụ H3nh chết năm 1988 không để lại di chúc, cụ Quỳnh chết năm 2014. Các cụ không để lại nghĩa vụ về tài sản với người khác.

**Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1 trình bày:** Quá trình chung sống, cụ H3nh và cụ Quỳnh tạo lập được khối tài sản chung là các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 có diện tích  $565m^2$  (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa 58 có diện tích  $192.8m^2$ ; thửa đất số 59 có diện tích  $219.8m^2$  và thửa số 74 có diện tích  $95.3m^2$  đều thuộc tờ bản đồ số 8; tổng diện tích =  $507.9m^2$ ); địa chỉ thửa đất: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng do ông P1 bỏ tiền ra xây dựng nhưng đã bán lại cho ông D1 nên thuộc quyền sở hữu của ông D1; 01 ngôi nhà ba tầng thuộc quyền sở hữu của ông P1. Ngoài ra trên đất còn có 01 gian nhà lợp prôximăng, các bức tường bao, cây trồng của các cụ và sân lát gạch đỏ của ông P1 nhưng giá trị kinh tế không lớn nên các ông không đề nghị phân chia, sau này các tài sản đó nằm trên phần đất của ai thì người đó được sở hữu.

- Thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 có diện tích  $1.150m^2$  (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 8 có diện tích  $1.166,6m^2$ ); địa chỉ thửa đất: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Nguồn gốc là đất ao, có một phần nhỏ diện tích (không xác định được là bao nhiêu) đã được cụ H3nh, cụ Quỳnh san lấp. Khoảng 4 đến 5 năm sau khi cụ H3nh chết thì ông D ra ở trên thửa đất này và san lấp đất. Hiện các công trình, cây trồng trên đất là của vợ chồng ông D.

- Thửa đất số 118 tờ bản đồ số 04 (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 24 tờ bản đồ số 10) có diện tích  $200m^2$ ; địa chỉ thửa đất: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Nguồn gốc thửa đất là đất ao do địa phương đổi trả vì đã làm đường đi vào đất vườn của bố mẹ các ông. Ông D1 là người san lấp toàn bộ thửa đất. Trên đất chưa có công trình xây dựng.

Tại di chúc lập ngày 13/10/2010, cụ Quỳnh đã tự phân chia  $\frac{1}{2}$  phần tài sản của mình trong khối tài sản chung vợ chồng ông D như sau:

- Phân chia  $253.95m^2$  đất thuộc các thửa đất số 58, 59, 74 tờ bản đồ số 08 cho các con Vũ Văn D1, Vũ Như P1, Vũ Như P, mỗi người được  $84.65m^2$  đất.

- Phân chia  $100m^2$  đất thuộc thửa đất số 24 tờ bản đồ số 10 cho các con Vũ Văn D1, Vũ Như P1, Vũ Như P, mỗi người được  $33.33m^2$  đất.

- Phân chia  $583.3m^2$  đất thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ số 8 cho con Vũ Như D  $188m^2$ ; cho con Vũ Tiến A  $188m^2$ ; cho con Vũ Như D1  $69m^2$ ; cho con Vũ Như P  $69m^2$ ; cho con Vũ Như P1  $69m^2$ .

Nay ông P, ông P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia phần di sản của cụ Quỳnh theo nội dung di chúc lập ngày 13/10/2010. Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia phần di sản của cụ H3nh theo quy định pháp luật. Vì không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 (*theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 8*) thời gian nào nên các ông không biết gia đình bà H2 có lấn chiếm đất của các cụ hay không và đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông D đối với bà H2 theo quy định pháp luật.

***Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là ông Vũ Như D trình bày:*** Cụ H3nh và cụ Quỳnh có khối tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 có diện tích  $565m^2$  (*theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa 58 có diện tích  $192.8m^2$ ; thửa đất số 59 có diện tích  $219.8m^2$  và thửa số 74 có diện tích  $95.3m^2$  đều thuộc tờ bản đồ số 8; tổng diện tích =  $507.9m^2$* ); địa chỉ thửa đất: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng do ông P1 xây dựng nhưng đã bán lại cho vợ chồng ông D1 và 01 ngôi nhà ba tầng thuộc quyền sở hữu của cụ Quỳnh vì cụ là người bỏ tiền ra xây nhà.

- Thửa đất số 118 tờ bản đồ số 04 (*theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 24 tờ bản đồ số 10*) có diện tích  $200m^2$ ; địa chỉ thửa đất: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Nguồn gốc thửa đất là đất ao do địa phương bồi trả vì đã làm đường đi vào đất của bố mẹ ông. Sau này ông D1 đã san lấp toàn bộ thửa đất.

Bản di chúc lập ngày 13/10/2010 của cụ Quỳnh không hợp pháp vì thời điểm lập di chúc thì cụ Quỳnh không còn minh mẫn và cụ Quỳnh không biết chữ. Ông không đóng góp công sức hay vật chất gì vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản của bố mẹ ông và đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông theo quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 (*bản đồ 1985 đo vẽ theo chỉ thị 299*) có diện tích  $1.150m^2$ . Năm 1995, Nhà nước đo vẽ lại xác định diện tích là  $1.226m^2$  thuộc thửa 131 tờ bản đồ số 02. Ông trực tiếp sử dụng đất từ năm 1970 do khi đó thửa đất là khu ao trũng, để hoang (*không có người sử dụng*). Ông đã tháo đất phù sa vào để san lấp và đến năm 1981 thì san lấp xong toàn bộ thửa đất. Năm 1990, ông kết hôn với bà Hoàng Thị H1 và cả hai cùng quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Vợ chồng ông tiếp tục san lấp đất cao hơn khoảng 1m, xây nhà cấp 4 để ở và trồng rau màu, cây ăn quả trên đất. Vì vậy thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông, không phải là di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của ông P, ông P1. Năm 2005, UBND phường Cẩm Thượng tiến hành đo lại diện tích đất của các hộ gia đình làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt: giấy CNQSDĐ*) nhưng không đo đất nhà ông, không cho ông ký xác định ranh giới, mốc giới đất với nhà bà H2. Nay ông xác định diện tích đất bị thiếu hụt so với số liệu đo vẽ năm 1995 vì bị bà H2 lấn chiếm đất nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H2 trả lại cho vợ chồng ông  $75m^2$  đất và hủy giấy CNQSDĐ mang tên ông Đình Hữu Toán, bà Vũ Thị Hiền (*là bố mẹ bà H2*).

Ông không nhất trí nhập vụ án theo đơn khởi kiện của ông vào vụ án chia thừa kế theo đơn khởi kiện của ông P, ông P1.

**Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là ông Vũ Văn D1 trình bày:** Bố mẹ ông có khối tài sản chung là các thửa đất tại phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương gồm:

- Thửa đất số 362 tờ bản đồ số 04 có diện tích 565m<sup>2</sup>. Tuy nH2 phần nhà đất vợ cH1 ông đang quản lý sử dụng là do ông mua lại của ông P1 nên không phải là di sản của bố mẹ ông. Phần đất còn lại ông P1 xây một ngôi nhà nhưng không ở.

- Thửa đất số 364 tờ bản đồ số 04 có diện tích 1.150m<sup>2</sup> do ông D quản lý, sử dụng.

Đối với 200m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 24 tờ bản đồ số 10 ở đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương đã được cụ Quỳnh cH3ền quyền sử dụng cho ông và các giấy tờ liên quan đến thửa đất này đều đứng tên ông nên là tài sản riêng của ông.

Mẹ ông lập di chúc phân chia tài sản ngày 07/7/2010 nhưng đến ngày 14/7/2010 thì mẹ ông đã có văn bản đề nghị hủy bỏ di chúc đã lập. Di chúc lập ngày 13/10/2010 do ông P, ông P1 cung cấp cho Tòa án là không hợp lệ vì thời điểm lập di chúc này thì mẹ ông không còn minh mẫn và mẹ ông không biết chữ. Vì vậy ông đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ ông theo quy định pháp luật.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Tiến A là chị Vũ Thị TN trình bày:** Thời điểm cụ H3nh chết để lại một ngôi nhà 05 gian lợp dạ và hai thửa đất. Thời điểm cụ Quỳnh chết để lại hai thửa đất gồm: Thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 có diện tích 565m<sup>2</sup> và thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 có diện tích 1.150m<sup>2</sup> đều có địa chỉ tại phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương. Ngoài ra cụ Quỳnh còn để lại 09 chỉ vàng và số tiền 24.400.000đ nhưng chị không biết ai là người quản lý. Ngôi nhà 05 gian lợp dạ đã bị phá bỏ để xây nhà mới. Hiện trên thửa đất số 362 có một ngôi nhà 1,5 tầng của ông D1 và một ngôi nhà 03 tầng nhưng chị không biết do ai xây dựng. Ông A không có công sức tôn tạo, duy trì khối tài sản của cụ H3nh, cụ Quỳnh. Đối với diện tích 200m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 24 tờ bản đồ số 10 là tài sản của ông D1, không phải di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh. Năm 2008, cụ Quỳnh bị ngã gãy chân nên từ đó giảm sút về sức khỏe và không còn minh mẫn. Mặt khác cụ Quỳnh không biết chữ nên di chúc của cụ Quỳnh do ông P, ông P1 cung cấp là không hợp pháp. Vì vậy chị đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh theo quy định pháp luật.

**Bà Hoàng Thị H1 trình bày:** Bà kết hôn và chung sống cùng ông D tại nhà đất số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương từ tháng 01/1990 đến nay. Thời điểm bà đến ở thì hiện trạng đất là đất liền thổ nhưng thấp hơn mặt đường. Sau đó vợ cH1 bà mua đất phù sa để tôn nền cao hơn khoảng 1m. Vợ cH1 bà là người

đóng thuế đất từ năm 1990. Vì vậy đây là tài sản chung của vợ chồng bà chứ không phải là tài sản của cụ H3nh, cụ Quỳnh nên bà không đồng ý chia thừa kế thừa đất này theo yêu cầu của ông P, ông P1. Theo số liệu đo đạc năm 1995 thì thửa đất vợ chồng bà sử dụng là thửa 131 có diện tích 1.226m<sup>2</sup>; thửa đất của ông Toán (*hiện do bà H2 sử dụng*) là thửa 132 có diện tích 305m<sup>2</sup>. Năm 2005, UBND phường Cẩm Thượng đo lại thửa đất của bà H2 để cấp giấy chứng nhận nhưng không đo thửa đất của vợ chồng bà, không cho vợ chồng bà ký xác nhận ranh giới, mốc giới đất. Hiện bà H2 đã trồng cây lán sang đất của vợ chồng bà nên bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa án buộc bà H2 phải trả lại vợ chồng bà phần diện tích đất đã lấn chiếm.

*Bà Đinh Thị H2 trình bày:* Nguồn gốc thửa đất bà đang quản lý, sử dụng là của bố mẹ bà (ông Đinh Hữu Toán chết năm 2008, bà Vũ Thị Hiền chết năm 2010) để lại và được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ ngày 10/01/1991 với tổng diện tích 305m<sup>2</sup> đất. Sau đó bố mẹ bà tách đất cho hai con là Đinh Thị Đ được 74.1m<sup>2</sup> và Đinh Hữu H3 được 76.4m<sup>2</sup>. Ngày 20/12/2006, bố mẹ bà được cấp giấy CNQSDĐ diện tích là 151.3m<sup>2</sup>. Việc cấp giấy CNQSDĐ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Gia đình bà đã sử dụng đất trên 60 năm và không tranh chấp với ai. Trước đây cạnh phía Tây thửa đất giáp ao tập thể, nhiều gia đình cùng sử dụng ao. Sau này vì không có tiền đóng thuế nên gia đình bà không sử dụng ao nữa. Vào khoảng năm 1990 thì ông D đến chiếm và sử dụng ao này. Nay ông D cho rằng bà lấn chiếm đất là không đúng vì phần đất bà sử dụng là đất liền thổ đã xây dựng công trình từ nhiều năm trước và có trồng một số cây xung quanh. Vì vậy bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông D.

*Các đương sự khác được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm, ý kiến của mình về các nội dung liên quan đến vụ án.*

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, các đương sự không tự thỏa thuận được giá trị tài sản để phân chia. Tại bảng tổng hợp kết quả định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản kết luận:

- Giá đất thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (nguồn gốc: đất ao) là 4.000.000đ/m<sup>2</sup>.

Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp bốn trị giá 18.000.000đ.

- Giá đất thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương gồm: Giá đất ở là 7.000.000đ/m<sup>2</sup>; giá đất vườn là 3.000.000đ/m<sup>2</sup>.

Tài sản gắn liền với đất:

+ Nhà 03 tầng trị giá 689.940.000đ.

+ Nhà 02 tầng trị giá 71.520.000đ.

+ Nhà 01 tầng (liền phía sau nhà 02 tầng) trị giá 38.760.000đ.

+ Nhà lợp prôximăng (đã bị hư hỏng nặng) trị giá 2.100.000đ.

- Giá đất thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 04, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (nguồn gốc: đất ao) là 5.000.000đ/m<sup>2</sup>.

- Giá cát san lấp là 110.000đ/m<sup>3</sup>.

Ông D, bà H1 không đề nghị định giá các cây trồng trên thửa đất 364 tờ bản đồ số 04 (nếu phải chia đất sẽ tự thu hoạch và di dời cây trồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ vào các điều 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 213, 611, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 33/2020/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 05/02/2020; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **I. Về chia thừa kế:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1.

**1.1** Xác nhận khối di sản chung của cụ Vũ Như H3nh và cụ Đinh Thị Quỳnh có tổng trị giá là **3.768.800.000đ** gồm:

- Diện tích 495.1m<sup>2</sup> đất (gồm 300m<sup>2</sup> đất ở, 195.1m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 tại số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá 2.685.300.000đ.

- Diện tích 216.7m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4 tại đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá 1.083.500.000đ.

\* Trích trả công sức đóng góp cho ông Vũ Văn D1 là 286.407.750đ

Trích trả công sức đóng góp cho bà Đinh Thị T là 286.407.750đ.

**1.2** Xác định di chúc lập ngày 13/10/2010 của cụ Đinh Thị Quỳnh không có hiệu lực pháp luật.

Chia cho ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1, ông Vũ Như D, ông Vũ Văn D1, ông Vũ Tiến A, mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Vũ Như H3nh và cụ Đinh Thị Quỳnh phân chia theo pháp luật trị giá **639.196.900đ**.

**1.3** Phân chia tài sản theo hiện vật (có sơ đồ kèm theo):

- Chia cho ông **Vũ Văn D1** tài sản bằng hiện vật trị giá **1.448.766.600đ** gồm:

+ Diện tích 72.23m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm B1, B2, B7, B8 đến B1) trị giá 361.166.600đ.

+ Diện tích 214m<sup>2</sup> đất gồm 111.4m<sup>2</sup> đất ở và 102.6m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố

Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A8,A9,A21,A22,A23,A24 đến A1) trị giá 1.087.600.000đ. Trên đất có ngôi nhà hai tầng, nhà một tầng (phía sau nhà hai tầng), sân lát gạch đỏ (phía trước nhà hai tầng) thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Văn D1, bà Đinh Thị T.

- Chia cho ông **Vũ Văn P1** diện tích 192.5m<sup>2</sup> đất gồm 100m<sup>2</sup> đất ở và 92.5m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A21,A9,A10,A11,A12,A18,A19,A20 đến A21) trị giá **977.500.000đ**. Trên đất có ngôi nhà ba tầng thuộc quyền sở hữu của ông P1.

- Chia cho ông **Vũ Tiến A** diện tích 88.6m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A18,A12,A13,A14,A15,A16,A17 đến A18) trị giá **620.200.000đ**.

- Chia cho ông **Vũ Như P** diện tích 72.23m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm B3,B4,B5,B6 đến B3) trị giá **361.166.600đ**.

- Chia cho ông **Vũ Như D** diện tích 72.23m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm B2,B3,B6,B7 đến B2) trị giá **361.166.600đ**.

*01 gian nhà lợp prôximăng, các bức tường bao, sân, cây trồng thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 nằm trên phần đất người nào được chia thì người đó được sở hữu.*

#### **1.4 Chia trả chênh lệch tài sản:**

Ông Vũ Văn D1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Đinh Thị T số tiền 286.407.750đ; thanh toán cho ông Vũ Tiến A số tiền 18.996.900đ; thanh toán cho ông Vũ Như D số tiền 217.757.300đ.

Ông Vũ Văn P1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Như P số tiền 278.030.300đ; thanh toán cho ông Vũ Như D số tiền 60.272.800đ.

**2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1 về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.**

Xác nhận ông Vũ Như D, bà Hoàng Thị H1 có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 1.194.3m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**II. Về quan hệ khác:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như D về việc buộc bà Đinh Thị H2 phải trả cho ông 75m<sup>2</sup> đất lấn chiếm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như D về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH602848, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01336 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 20/12/2006 đứng tên ông Đinh



Hữu Toán và bà Vũ Thị Hiền.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương có quyết định kháng nghị, các đương sự gồm ông Vũ Như P, ông Vũ Tiến A, ông Vũ Văn D1, bà Đinh Thị T kháng cáo toàn bộ bản án, cụ thể:

- Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 33/2020/AL ngày 05/02/2020 xác định thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 là tài sản riêng của ông D, không phải di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh là vi phạm trong việc đA giá chứng cứ và áp dụng pháp luật; Ông Vũ Tiến A không đề nghị chia thừa kế thửa đất số 118 nhưng cấp sơ thẩm vẫn chia cho ông A là vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự; Phần quyết định của bản án chỉ nêu số thửa theo bản đồ cũ, không nêu số thửa theo bản đồ mới là tuyên không rõ ràng; cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tố tụng (bà Đinh Thị Góí phải là người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan chứ không phải người làm chứng) và vi phạm trong việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Kháng cáo của ông Vũ Như P: Cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Quỳnh không hợp pháp là không đúng, đề nghị xác định di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc; không đồng ý nhận di sản thừa kế đối với thửa đất 362 tờ bản đồ số 4 bằng tiền, đề nghị chia cho ông di sản bằng hiện vật; thửa đất 364 tờ bản đồ số 4 có nguồn gốc của cụ H3nh, cụ Quỳnh để lại nên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất này; cấp sơ thẩm đã trích trả công sức cho ông D1, bà T quá nhiều;

- Kháng cáo của ông Vũ Văn D1, bà Đinh Thị T: Thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4 là tài sản của vợ cH1 ông, không phải di sản thừa kế nên không được chia; giả sử thửa đất đó là di sản thừa kế, đề nghị Tòa án xem xét công sức của vợ cH1 ông trong việc di cH3ên 62 tiểu sành (60.000đồng/chiếc) và công sức san lấp đất; yêu cầu xác định thửa đất 364 tờ bản đồ số 4 là di sản thừa kế và chia theo pháp luật; thửa đất 362 (diện tích 214m<sup>2</sup>) mà vợ cH1 ông đang sử dụng không phải di sản thừa kế;

- Kháng cáo của ông Vũ Tiến A: Thửa đất 118 tờ bản đồ số 4 là tài sản của vợ cH1 ông D1, không phải di sản thừa kế; đề nghị chia thừa kế thửa đất 364 tờ bản đồ số 4 theo quy định của pháp luật;

Kết quả thẩm định lại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 04 của cấp phúc thẩm thể hiện: Loại đất ao, diện tích 1223,2m<sup>2</sup> (tăng so với kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm 28,9m<sup>2</sup>), lý do tăng là do sai số đo đạc.

Kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Dương và UBND phường Cẩm Thượng xác định: Thửa đất 362, tờ bản đồ số 4, diện tích 495,1m<sup>2</sup> của cụ Đinh Thị Quỳnh sử dụng trước ngày 18/12/1980 và không có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP nên đủ

điều kiện để công nhận đất ở và không phải nộp tiền sử dụng đất với hạn mức đất ở được công nhận không quá 5 lần hạn mức giao đất tại vị trí tương ứng (thửa đất 362 có vị trí 2 tại đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, hạn mức được giao đất ở là 120m<sup>2</sup>/hộ, cá nhân).

Tại pH2 tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị (đối với nội dung việc chia thừa kế cho ông A ở thửa đất số 118 là vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự) và thay đổi kháng nghị từ hủy bản án dân sự sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm; các đương sự giữ nguyên kháng cáo; ông D, bà H1 không đồng ý với kháng cáo, kháng nghị, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P trình bày: Di chúc của cụ Quỳnh là hợp pháp nên đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế của cụ Quỳnh theo di chúc; phần di sản của cụ H3nh đề nghị chia theo quy định của pháp luật nhưng chia cho ông P bằng hiện vật; đề nghị HĐXX xem xét công sức của ông P, ông P1 trong việc san lấp thửa đất số 362, tờ bản đồ số 4.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký pH2 tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Hải Dương, chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo hướng xác định thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 là di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh, chia thừa kế cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng có trích trả công sức quản lý di sản và giá trị san lấp cát cho ông D, bà H1;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi ngH2 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại pH2 toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH2 toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định, bà Đinh Thị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, những người kháng cáo khác được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ. Người đại diện hợp pháp của UBND thành phố Hải Dương và một số người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan (bà H2, anh H3, bà Đ) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại pH2 tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[3] *Đối với thửa đất số 364, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 1985), địa chỉ: Số 50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (gọi tắt là thửa đất số 364):* Nguyên đơn và những người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan (ông D1, chị Ngọc) đều trình bày nguồn gốc thửa đất số 364 là đất ao do cha ông để lại cho cụ H3nh,

cụ Quỳnh, chưa có khi nào tập thể quản lý thửa đất này. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại UBND phường Cẩm Thượng. Thực tế tại sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1985 thì cụ H3nh là người đứng tên kê khai sử dụng thửa đất. Tại hồ sơ địa chính để cấp giấy CNQSDĐ năm 1991 thì cụ Quỳnh là người đứng tên chủ sử dụng đất. Vì vậy ông D trình bày thửa đất số 364 có nguồn gốc là đất bỏ hoang là không có cơ sở. Ông D cho rằng đây là tài sản hợp pháp của ông nhưng ngoài việc có tên trong sổ mục kê năm 1995 và nộp thuế đất, ông D không xuất trình được bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc ông được Nhà nước giao đất, cũng không xuất trình được chứng cứ thể hiện cụ H3nh, cụ Quỳnh và những người thừa kế của hai cụ tặng cho hay cH3nh nhượng đất cho ông. Nguyên đơn, những người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan (ông D1, chị Ngọc), chính quyền địa phương và người làm chứng xác định khi cụ Quỳnh còn sống, cụ cùng các con vẫn sử dụng ao để thả cá, cấy rau cần. Từ năm 2002, giữa cụ Quỳnh và vợ cH1 ông D đã xảy ra tranh chấp đối với thửa đất này, chính quyền các cấp đã giải quyết nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Như vậy, sổ mục kê năm 1995 không phải là tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông D nên có căn cứ xác định thửa đất số 364, tờ bản đồ số 4 là di sản của cụ H3nh, cụ Quỳnh, các tài sản trên đất là của vợ cH1 ông D, bà H1, không phải di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng án lệ số 33/2020/AL ngày 05/02/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông D, bà H1 là không chính xác bởi vì các tình tiết trong vụ án này không tương tự như nội dung án lệ số 33 đã công bố. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của đương sự đề nghị xác định thửa đất số 364, tờ bản đồ số 4 là di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh và chia thừa kế di sản này theo quy định của pháp luật có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về diện tích thửa đất số 364: Theo bản đồ đo đạc năm 1985, thửa đất có diện tích 1.150m<sup>2</sup>; theo bản đồ đo đạc năm 1995 là thửa số 131 tờ bản đồ số 2 có diện tích 1.226m<sup>2</sup>; theo bản đồ đo đạc năm 2005 là thửa số 62 tờ bản đồ số 08 có diện tích 1.166,6m<sup>2</sup>. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích thực tế của thửa đất là 1.194,3m<sup>2</sup>. Số liệu diện tích thửa đất qua từng thời kỳ đo đạc có sự khác nhau là do phương pháp đo đạc từng thời kỳ khác nhau và do nguồn gốc thửa đất là đất ao, được vượt lấp trong nhiều năm. Tại cấp phúc thẩm, ông D đề nghị đo vẽ thẩm định lại thửa đất trên. Kết quả đo vẽ tại cấp phúc thẩm thể hiện diện tích thửa đất là 1.223,2m<sup>2</sup>, diện tích tăng lên so với cấp sơ thẩm là do sai số đo đạc nên có căn cứ xác định thửa đất số 364 là di sản thừa kế của cụ H3nh, cụ Quỳnh có diện tích 1.223,2m<sup>2</sup>.

[5] Mặc dù thửa đất trên là di sản của cụ H3nh, cụ Quỳnh nhưng các đương sự và UBND phường Cẩm Thượng đều xác nhận chỉ có vợ cH1 ông D san lấp, cải tạo và sử dụng thửa đất này nhưng không xác định được chính xác thời điểm ông D bắt đầu sử dụng đất. Ông D trình bày trực tiếp sử dụng đất từ trước năm 1980, quá trình sử dụng đã tháo nước phù sa để lắng đọng dần dần khoảng 2m so với đáy ao, xây nhà trên đất để ở và làm kinh tế. Bà H1 trình bày đến ở cùng ông D tại thửa đất này từ năm 1990 và thời

điểm đó toàn bộ thửa đất đã được san lấp. Sau đó cả hai ông bà tiếp tục tôn nền đất cao hơn khoảng 1m. Tại “Đơn xin tách hộ khẩu” ngày 14/10/1984 của ông D có xác nhận của Công an và ý kiến của Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp xã Cẩm Thượng có ghi: “*Đã 4 năm nay tôi sống tự lập kể cả nhận ruộng với Hợp tác xã...*”. Vì vậy có cơ sở xác định ông D trực tiếp sử dụng thửa đất từ những năm 1980, đến năm 1990 bà H1 cùng sử dụng và đã san lấp ao với độ cao 3m nên cần trả giá trị cát san lấp cho vợ cH1 ông D, bà H1 và công sức tôn tạo, quản lý di sản bằng 1,5 suất thừa kế, cụ thể:

Giá trị di sản của cụ H3nh và cụ Quỳnh là:  $1.223,2m^2 \times 4.000.000đ/m^2 = 4.892.800.000đ$ . Vợ cH1 ông D đã san lấp cát là:  $1.223,2m^2 \times 3m \times 110.000đ/m^3 = 403.656.000đ$ ; công sức quản lý, trông nom đất của ông D, bà H1 bằng 1,5 suất thừa kế là 1.467.840.000đ. Tổng giá trị san lấp và công sức ông D, bà H1 được trích trả là  $403.656.000đ + 1.467.840.000đ = 1.871.496.000đ$ , ông D quản lý và tôn tạo đất từ năm 1980 nên được hai phần là 1.247.664.000đ, bà H1 quản lý và tôn tạo đất từ năm 1991 nên được một phần là 623.832.000đ.

Giá trị di sản còn lại của cụ H3nh và cụ Quỳnh để phân chia tại thửa đất này là: 3.424.660.000đ.

[6] *Đối với thửa đất số 362, tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 1985), địa chỉ: Số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (gọi tắt là thửa đất số 362):* Căn cứ lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND phường Cẩm Thượng, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất là do cha ông để lại cho cụ H3nh, cụ Quỳnh và các cụ vẫn luôn thực tế sinh sống tại thửa đất này cho đến khi chết. Tại sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1985, sổ đăng ký ruộng đất năm 1991 thửa đất đứng tên chủ sử dụng là Vũ Như H3nh; sổ đăng ký ruộng đất năm 1995 thửa đất đứng tên chủ sử dụng Đình Thị Quỳnh. Ông D1, bà T trình bày 219,8m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà vì ông bà đã mua lại nhà đất của ông P1 và được cụ Quỳnh phân chia đất theo “Biên bản họp gia đình” ngày 30/8/2005. Tuy nH2 các đương sự đều xác định thời điểm ngôi nhà 05 gian lợp dạ của các cụ bị đột nát, không thể ở được thì ông P1 là người bỏ tiền xây nhà hai tầng để giúp cụ Quỳnh có chỗ ở chứ cụ Quỳnh không chia đất cho ông P1 để làm nhà và thực tế ông P1 cũng không sinh sống tại nhà đất này. Tại “Giấy nhượng bán nhà” do ông D1 cung cấp cho Tòa án có ghi nội dung: “*Tên tôi là Vũ Văn Fước có bán cho anh ruột là Vũ Văn D1 01 căn nhà tổng diện tích = 52m<sup>2</sup> với số tiền là 30.000.000đ*”. Do đó xác định tài sản ông P1 cH3ên nhượng cho ông D1 chỉ là nhà xây trên đất chứ không bao gồm diện tích đất đã làm nhà. Tại “Biên bản họp gia đình” ngày 30/8/2005, cụ Quỳnh cùng các con A, D1, P, P1 họp phân chia toàn bộ thửa đất nói trên như sau: “*1. phần mẹ được 95,3m<sup>2</sup>; 2. phần D1 được 219,8m<sup>2</sup>; 3. phần P1 192,8m<sup>2</sup>*”. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất được phân chia bao gồm cả phần diện tích đất là di sản của cụ H3nh nhưng không có mặt ông D (là một trong những người thừa kế của cụ H3nh). Mặt khác chính cụ Quỳnh, ông P1 là những người được chia đất theo biên bản họp gia đình nhưng thực tế không sử dụng phần đất

được chia và sau này cụ Quỳnh đã thay đổi quan điểm phân chia đất bằng cách xác lập di chúc ngày 07/7/2010, di chúc ngày 13/10/2010; ông P, ông P1 khởi kiện chia thừa kế tài sản đối với toàn bộ thửa đất. Vì vậy không có cơ sở xác định 219.8m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông D1, bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ thửa đất là tài sản chung của cụ H3nh, cụ Quỳnh và chia thừa kế thửa đất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên kháng cáo này của ông D1, bà T không được chấp nhận.

[7] Ông P kháng cáo cho rằng di chúc lập ngày 13/10/2010 của cụ Quỳnh là hợp pháp nên cần chia thừa kế di sản của cụ theo di chúc. Tuy nhiên, xét bản di chúc lập ngày 13/10/2010, HĐXX thấy nội dung toàn bộ di chúc được đA máy; người lập di chúc là cụ Quỳnh đã điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải vào bản di chúc và bản di chúc được UBND phường Cẩm Thượng chứng thực nhưng không có người làm chứng ký xác nhận vào bản di chúc. Ông P, ông P1 là những người trực tiếp đưa cụ Quỳnh đến UBND phường Cẩm Thượng để chứng thực di chúc cũng xác nhận thời điểm cụ Quỳnh xác lập di chúc và UBND phường chứng thực di chúc của cụ Quỳnh thì không có người làm chứng. Như vậy di chúc lập ngày 13/10/2010 của cụ Quỳnh đã vi phạm quy định pháp luật về thủ tục xác lập, về điều kiện hợp pháp nên toàn bộ di chúc không có hiệu lực pháp luật. Cụ H3nh chết không để lại di chúc, di chúc của cụ Quỳnh không có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế di sản của các cụ theo quy định của pháp luật là đúng, kháng cáo của ông P đối với nội dung này không được chấp nhận. Tuy nhiên, khi tính giá trị đất để chia thừa kế tại thửa đất này, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 (đã bị thu hồi) để xác định giá trị đất theo từng loại đất (đất ở 7.000.000đ/m<sup>2</sup>, đất vườn 3.000.000đ/m<sup>2</sup>) mà chưa xem xét nguồn gốc thửa đất để xác định lại hạn mức đất ở được Nhà nước công nhận theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ kết quả xác minh tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố Hải Dương và UBND phường Cẩm Thượng, có cơ sở xác định diện tích 495,1m<sup>2</sup> đất của cụ H3nh, cụ Quỳnh sử dụng từ trước ngày 18/12/1980 và không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ - CP của Chính phủ nên hạn mức đất ở được Nhà nước công nhận mà không phải nộp tiền sử dụng đất không quá 5 lần đối với hạn mức đất tại vị trí tương ứng, nên toàn bộ diện tích 495,1m<sup>2</sup> sẽ được tính theo giá trị đất ở. Do đó, HĐXX sẽ sửa bản án dân sự sơ thẩm về giá trị thửa đất này để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, theo đó, thửa đất này có giá trị là 3.465.700.000đ; trích trả công sức duy trì khối tài sản cho ông D1, bà T tương đương một phần di sản thừa kế được chia theo pháp luật là 693.140.000đ (bà T, ông D1 mỗi người được 346.570.000đ), di sản còn lại của cụ H3nh, cụ Quỳnh để chia ở thửa đất này là (3.465.700.000đ - 693.140.000đ) = 2.772.560.000đ. Ông P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cho rằng ông P và ông P1 có công sức trong việc san lấp 200m<sup>2</sup> ao và xây tường bao ở thửa đất này, yêu cầu trích trả công sức cho hai ông nhưng tại cấp sơ thẩm ông P, ông P1 đều xác định không có công sức san lấp và không có yêu cầu về vấn đề này. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông P1, ông P cũng không kháng cáo, tại

pH2 tòa phúc thẩm ông P mới yêu cầu nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, ông P1 không yêu cầu gì nên đề nghị của ông P không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4 (bản đồ đo vẽ năm 1985), địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (gọi tắt là thửa số 118): Ông D1, bà T cho rằng thửa đất này là tài sản riêng của vợ chồng ông bà, không phải di sản thừa kế nên không được chia. HĐXX thấy bà T trình bày năm 1994, vợ chồng bà xin cấp đất ở riêng và được địa phương cấp cho thửa đất trên nhưng ông D1 (chồng bà T) đã xác nhận tại pH2 tòa sơ thẩm nội dung địa phương chỉ đồng ý hoặc là cấp đất cho vợ chồng bà hoặc cấp đổi trả đất cho cụ H3nh, cụ Quỳnh nên ông đã nhất trí để địa phương cấp đổi trả đất cho bố mẹ ông. Mặt khác trình bày của ông P, ông P1, ông D phù hợp với phần A của UBND phường Cẩm Thượng về nguồn gốc đất là do năm 1960 địa phương làm đường đi qua đất của cụ H3nh, sau này cụ Quỳnh yêu cầu địa phương phải đổi trả đất đã lấy làm đường nên địa phương đã cấp đổi cho gia đình cụ Quỳnh 200m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 4. Ông D1 trình bày cụ Quỳnh đã chuyển tên chủ sử dụng đất cho ông; chị Ngọc trình bày thửa đất là tài sản riêng của ông D1 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Theo phần A của UBND phường Cẩm Thượng hiện các giấy tờ liên quan đến thửa đất đều ghi tên ông D1 vì ông D1 đại diện cho gia đình tham gia các cuộc họp và ký các biên bản với Ủy ban chứ không phải là địa phương cấp đất cho ông D1. Do đó, cấp sơ thẩm xác định thửa đất là tài sản chung của cụ H3nh, cụ Quỳnh là chính xác. Nội dung kháng cáo này của ông D1, bà T không được chấp nhận. Tuy nhiên, theo kết quả định giá thì giá trị đất ao (giá trị di sản) là 5.000.000đ/m<sup>2</sup>, giá trị cát san lấp là 110.000đ/m<sup>3</sup>, tức là giá đất ao chưa bao gồm giá trị san lấp nhưng cấp sơ thẩm lại trừ giá trị cát san lấp trong giá trị đất ao để trả cho ông D1, bà T, sau đó giá trị đất còn lại mới chia thừa kế là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Do đó, HĐXX sửa về nội dung này, xác định lại giá trị thửa đất là di sản thừa kế trị giá 1.083.500.000đ.

[9] Căn cứ lời trình bày của các đương sự, lời khai của người làm chứng (anh Đinh Đ H3, ông Bùi Đ Tới) và kết quả xác minh tại UBND phường Cẩm Thượng xác định ông D1, bà T là người có công san lấp thửa ao số 118 với độ sâu 2,5m, giá trị san lấp là  $216,7\text{m}^2 \times 2,5\text{m} \times 110.000\text{đ}/\text{m}^3 = 59.592.500\text{đ}$ . Ngoài ra ông D1, bà T đã di dời 62 chiếc tiểu trong ao ra nơi khác chôn cất với tiền công thuê là  $60.000\text{đ}/1 \text{ tiểu} = 3.720.000\text{đ}$ . Vì vậy, cần trích trả phần giá trị san lấp và di dời tiểu cho ông D1, bà T là 63.312.500đ (mỗi người được 31.656.250đ).

[10] Về phân chia thừa kế: Tổng giá trị di sản của cụ H3nh, cụ Quỳnh để chia là  $1.083.500.000\text{đ} + 2.772.560.000\text{đ} + 3.424.960.000\text{đ} = 7.281.020.000\text{đ}$ , như vậy, mỗi suất thừa kế sẽ được nhận giá trị là 1.456.204.000đ. Do ông D1, ông D, bà T, bà H1 còn được trả giá trị san lấp đất, di dời tiểu, công sức quản lý đất nên giá trị mỗi người được nhận là:

Ông A, ông P, ông P1 mỗi người được nhận 1.456.204.000đ;

Ông D1 được nhận:  $1.456.204.000đ + 346.570.000đ + 31.656.250đ = 1.834.430.250đ$ ;

Ông D được nhận:  $1.456.204.000đ + 1.247.664.000đ = 2.703.868.000đ$ ;

Bà T được nhận: 378.226.250đ;

Bà H1 được nhận: 623.832.000đ.

[11] Về phân chia tài sản bằng hiện vật:

Đối với thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4 có diện tích thực tế là  $216.7m^2$  đất ao. Giá đất (gồm cả giá trị san lấp và công di dời tiểu của ông D1, bà T) là  $(1.083.500.000đ + 63.312.000đ) : 216,7m^2 = 5.292.166đ/m^2$ . Diện tích đất này chia làm 2 phần: Chia cho ông D1 và ông A mỗi người được quyền sử dụng  $108,35m^2$  đất ao trị giá 573.141.641đ.

Đối với thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 có diện tích thực tế là  $495.1m^2$ , trên đất có các công trình xây dựng thuộc quyền sở hữu của ông D1, ông P1 nên để đảm bảo giá trị sử dụng của các công trình trên đất và căn cứ vào đặc điểm hiện trạng thửa đất, Hội đồng xét xử sẽ phân chia thửa đất thành ba phần, cụ thể:

- Chia cho ông D1 được quyền sử dụng  $214m^2$  đất trị giá 1.498.000.000đ, trên đất có ngôi nhà hai tầng. Đối với ngôi nhà 2 tầng trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông D1, bà T, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Chia cho ông P1 được quyền sử dụng  $192.5m^2$  trị giá 1.347.500.000đ, trên đất có ngôi nhà ba tầng là tài sản riêng của ông P1.

- Chia cho ông P được quyền sử dụng  $88.6m^2$  đất giáp phần đất giao cho ông P1 trị giá 620.200.000đ.

Các bức tường bao, cây trồng, gian nhà lợp prôximăng, sân lát gạch đỏ nằm trên phần đất bên nào được chia thì bên đó được sở hữu.

[12] Đối với thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 có diện tích thực tế là  $1223.2m^2$  đất ao, mặc dù bà H1 không được chia di sản thừa kế nhưng thửa đất này có diện tích rộng, giá trị công sức quản lý và tôn tạo của bà H1 đối với thửa đất này lớn nên HĐXX sẽ chia trả công sức và giá trị tôn tạo đất cho bà H1 bằng đất. Giá trị đất (gồm cả giá trị san lấp của ông D, bà H1) là  $(4.892.800.000đ + 403.656.000đ) : 1223.2m^2 = 4.330.000đ/m^2$  và được chia như sau:

- Chia cho ông D được quyền sử dụng  $624,4m^2$  đất ao trị giá 2.703.868.000đ. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và các cây trồng là tài sản chung của ông D, bà H1. Ông D, bà H1 không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung này nên HĐXX không xem xét.

- Chia cho bà H1 được quyền sử dụng  $201,8m^2$  đất ao (giáp phần đất chia cho ông D) trị giá 873.794.000đ, trên đất có các cây trồng là tài sản chung của bà H1 và ông D.

- Chia cho ông A được quyền sử dụng  $203,9m^2$  đất ao (giáp phần đất chia cho bà H1) trị giá 882.887.000đ.

- Chia cho ông P được quyền sử dụng  $193,1m^2$  đất ao (giáp phần đất chia cho ông A) trị giá 836.123.000đ.

Ông D, bà H1 có trách nhiệm thu hoạch và di dời các cây cối trên phần đất chia cho ông A, ông P.

[13] Chia trả chênh lệch tài sản: Bà T được trích trả công sức và giá trị san lấp đất, di dời tiêu trị giá 378.226.250đ nhưng không được chia tài sản bằng hiện vật; ông P1 được chia tài sản bằng hiện vật có giá trị thấp hơn phần di sản mỗi người được hưởng;

Ông D1 được hưởng phần di sản và được trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp, di dời tiêu là 1.834.430.250đ nhưng lại được chia tài sản bằng hiện vật có tổng giá trị 2.071.141.641đ nên ông D1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho bà T là 237.000.000đ (đã làm tròn).

Bà H1 được trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp đất là 623.832.000đ nhưng lại được chia tài sản bằng hiện vật có tổng giá trị là 873.794.000đ nên bà H1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho bà T là 141.516.000đ và thanh toán cho ông P1 là 108.700.000đ (đã làm tròn).

[14] Đối với nội dung kháng nghị của VKSND thành phố Hải Dương cho rằng cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng của cụ Đình Thị Gối (cụ Gối phải là người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan chứ không phải người làm chứng), HĐXX thấy khoảng năm 1982, cụ H3nh và cụ Quỳnh có đổi một phần đất tại thửa số 362 cho cụ Đình Thị Gối để đất của hai gia đình đều được thẳng, việc đổi đất chỉ có cụ H3nh, cụ Quỳnh và cụ Gối, không có xác nhận của chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã sử dụng đất ổn định từ năm 1982, không có tranh chấp gì, cụ Gối đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D trình bày cụ Quỳnh và một số người con của cụ đã đổi và bán một phần đất cho cụ Gối vào năm 1993 nhưng không có căn cứ chứng minh, cũng không có đơn yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này. Do đó, cấp sơ thẩm không xác định cụ Gối là người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng. Ông D cũng không có kháng cáo gì về nội dung này. Đối với việc phân quyết định của bản án không nêu rõ các thửa đất số 362, 364, 118 (theo bản đồ đo vẽ năm 1985) nay là thửa bao nhiêu, thuộc tờ bản đồ nào vẫn đảm bảo việc thi hành án nhưng cũng cần ghi thêm số thửa, tờ bản đồ theo bản đồ đo vẽ năm 2005 để việc xác định đất khi thi hành án được rõ ràng, nhanh chóng hơn.

[15] Về chi phí tố tụng: Tại cấp phúc thẩm, ông D đã đề nghị xem xét thẩm định lại tài sản tranh chấp là thửa đất số 364 và tiền chi phí thẩm định phải nộp là 3.000.000đ, ông D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này và không yêu cầu những người thừa kế phải trả lại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[16] Về án phí: Do di sản để chia được tính lại nên HĐXX sẽ sửa lại án phí dân sự sơ thẩm. Mỗi người thừa kế phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mình được hưởng. Tuy nhiên hiện các ông P, D, D1, A là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Vì vậy Hội đồng xét xử miễn



nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các ông P, D, D1, A và hoàn trả ông P, ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.686.000đ (đã làm tròn) và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kháng cáo của các đương sự được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà T 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, một phần kháng cáo của ông Vũ Văn D1, ông Vũ Như P, ông Vũ Tiến A, bà Đinh Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương:

Căn cứ vào các điều 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 213, 611, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 103 Luật đất đai 2013; Điều 147, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về chia thừa kế: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1.

1.1 Xác nhận khối di sản chung của cụ Vũ Như H3nh và cụ Đinh Thị Quỳnh có tổng trị giá là 7.281.020.000đ gồm:

- Diện tích 495.1m<sup>2</sup> ở đất thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 58, 59, 74 tờ bản đồ số 8) tại số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá 3.465.700.000đ.

- Diện tích 216.7m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10) tại đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá 1.083.500.000đ.

- Diện tích 1223.2m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ đo vẽ năm 2005 là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) tại số 50 đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương trị giá 4.892.800.000đ.

1.2 Xác định di chúc lập ngày 13/10/2010 của cụ Đinh Thị Quỳnh không có hiệu lực pháp luật.

1.3 Trích trả công sức và chia di sản thừa kế:

Trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp đất, di dời tiêu cho ông Vũ Văn D1 là 346.570.000đ

Trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp đất, di dời tiêu cho bà Đinh Thị T là 346.570.000đ;

Trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp đất cho ông Vũ Như D là 1.247.664.000đ;

Trích trả công sức quản lý di sản, giá trị san lấp đất cho bà Hoàng Thị H1 là 623.832.000đ;

Chia cho ông Vũ Như P, ông Vũ Văn P1, ông Vũ Như D, ông Vũ Văn D1, ông Vũ Tiến A, mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Vũ Như H3nh và cụ Đinh Thị Quỳnh phân chia theo pháp luật trị giá 1.456.204.000đ.

1.4 Phân chia tài sản theo hiện vật (có sơ đồ kèm theo):

- Chia cho ông **Vũ Văn D1** tài sản bằng hiện vật gồm:

+ Diện tích 214m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A8,A21,A22,A23,A24 đến A1) trị giá 1.498.000000đ. Trên đất có ngôi nhà hai tầng, nhà một tầng (phía sau nhà hai tầng), sân lát gạch đỏ (phía trước nhà hai tầng) thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Văn D1, bà Đinh Thị T (theo sơ đồ phân chia đất số 1).

+ Diện tích 108,35m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A2,A3,A4,A5 đến A2) trị giá 573.141.641đ (theo sơ đồ phân chia đất số 2).

- Chia cho ông **Vũ Văn P1** diện tích 192,5m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A8,A9,A10,A11,A12,A18,A19,A20,A21 đến A8) trị giá 1.347.500.000đ. Trên đất có ngôi nhà ba tầng thuộc quyền sở hữu của ông P1 ( Theo sơ đồ phân chia đất số 1).

- Chia cho ông **Vũ Như P** tài sản bằng hiện vật gồm:

+ Diện tích 88.6m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: số 7/50 Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A12,A13,A14,A15,A16,A17,A18 đến A12) trị giá 620.200.000đ (theo sơ đồ phân chia đất số 1).

+ Diện tích 193,1m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A1,A2, A14,A15,A16,A17,A18 đến A1) trị giá 836.123.000đ (theo sơ đồ phân chia đất số 3).

- Chia cho ông **Vũ Tiến A** tài sản bằng hiện vật gồm:

+ Diện tích 108,35m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: đường Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A1,A2,A5,A6 đến A1) trị giá 573.141.641đ (theo sơ đồ phân chia đất số 2).

+ Diện tích 203,9m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A2,A3,A13,A14 đến A2) trị giá 882.887.000đ (theo sơ đồ phân chia đất số 3).

- Chia cho ông **Vũ Như D** diện tích 624,4m<sup>2</sup> đất ao thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A4,A5,A6,A7,A8,A9,A10,A11,A12 đến A4) trị giá 2.703.868.000đ. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, cây cối là tài sản chung của ông D, bà H1 (theo sơ đồ phân chia đất số 3).

- Chia cho bà **Dương Thị H1** diện tích 201,8m<sup>2</sup> đất ao (giáp phần đất chia cho ông D) thuộc thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 50 đường Triệu Quang Phục, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (được giới hạn bởi các điểm A3,A4,A12,A13 đến A3) trị giá 873.794.000đ. Trên đất có cây cối là tài sản chung của ông D, bà H1 (theo sơ đồ phân chia đất số 3).

01 gian nhà lợpproximãng, các bức tường bao, sân, cây trồng thuộc thửa đất số 362 tờ bản đồ số 4 nằm trên phần đất người nào được chia thì người đó được sở hữu.

Ông D, bà H1 có trách nhiệm thu hoạch và di dời các cây cối là tài sản của ông bà trên phần đất chia cho ông A, ông P tại thửa đất số 364 tờ bản đồ số 4 trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để trả lại đất cho ông A, ông P.

#### 1.5 Chia trả chênh lệch tài sản:

Ông D1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho bà T là 237.000.000đ (đã làm tròn)

Bà H1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho bà T là 141.516.000đ và thanh toán cho ông P1 là 108.700.000đ (đã làm tròn).

#### 2. Về quan hệ khác:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như D về việc buộc bà Đinh Thị H2 phải trả cho ông 75m<sup>2</sup> đất lấn chiếm.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như D về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH602848, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01336 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 20/12/2006 đứng tên ông Đinh Hữu Toán và bà Vũ Thị Hiền.

#### 3. Về chi phí tố tụng:

- Ông Vũ Như D phải chịu 8.400.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

- Ông Vũ Như P phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (*đã nộp đủ*).

- Ông Vũ Văn P1, ông Vũ Văn D1, ông Vũ Như D, ông Vũ Tiến A, mỗi người phải hoàn trả ông Vũ Như P 2.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (*đều chưa nộp*).

Ông Vũ Như D đã nộp tiền thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 3.000.000đ và tự nguyện chịu cả số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí: Ông Vũ Văn P1 phải chịu 55.686.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.500.000đ theo biên lai số AB/2014/002443 ngày 16/7/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, ông P1 còn phải nộp thêm 25.186.000đ.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Như D, ông Vũ Tiến A, ông Vũ Văn D1, ông Vũ Như P.

Hoàn trả ông Vũ Như P tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.075.000đ (gồm 30.500.000đ theo biên lai số AB/2014/002441 ngày 16/7/2015 và 11.575.000đ theo biên lai số AA/2017/0002669 ngày 03/10/2018) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả ông Vũ Như D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đ theo biên lai số AB/2014/0004471 ngày 07/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Kháng cáo của các đương sự được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Đinh Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004951 ngày 15/12/2020 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

5. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không bị HĐXX sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
  - TAND, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;
  - Các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH2 TÒA**

**Đoàn Thị Hương Nhu**